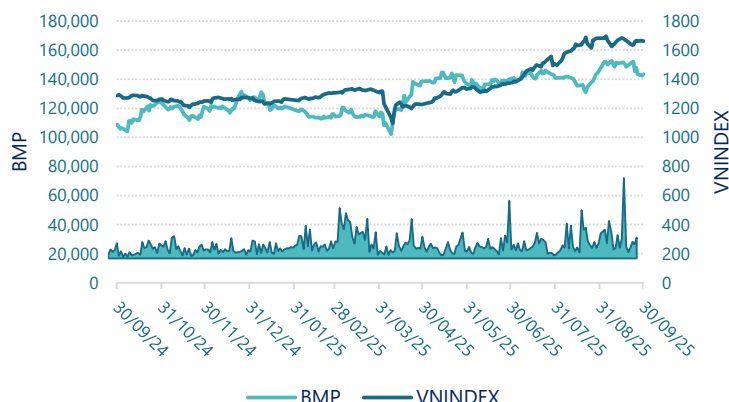


CTCP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	143,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	152,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	102,157
SL cổ phiếu LH	81,860,938
KLGD BQ 20 phiên (CP)	119,325
% sở hữu nước ngoài	85.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,739
P/E	9.8
EPS	14,639

DT thuần

Q3/25

1,532

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 224 | 17.1%

YoY: ▲ 125 | 8.9%

LN sau thuế

Q3/25

351

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.0 | 6.2%

YoY: ▲ 61.0 | 20.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

28.7%

+/- YoY: ▲ 3.0%

DT thuần

9T 2025

4,224

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 661 | 18.5%

LN sau thuế

9T 2025

967

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 207 | 27.3%

ROE

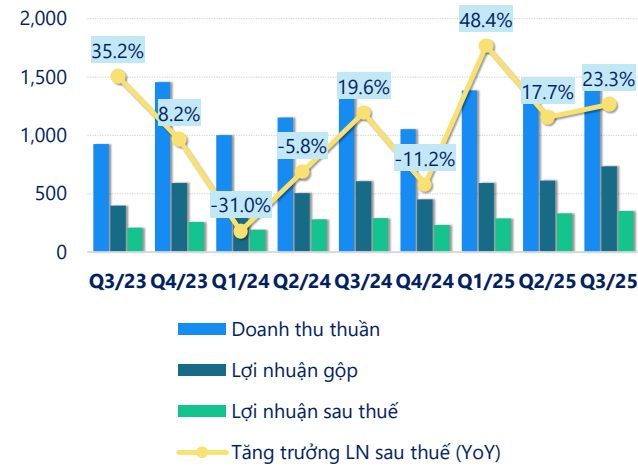
Q3/25

39.4%

+/- YoY: ▲ 4.9%

tỷ VNĐ

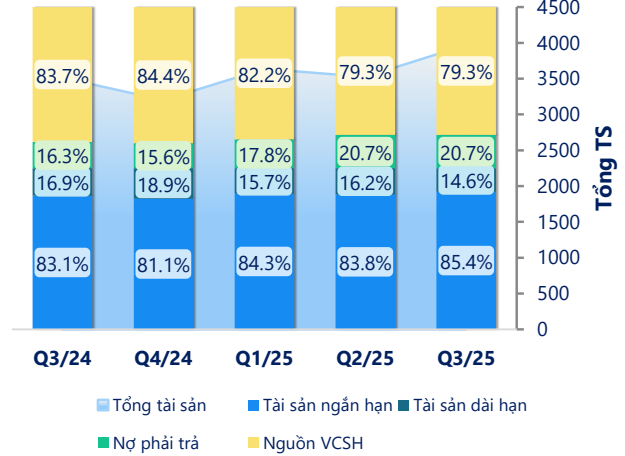
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

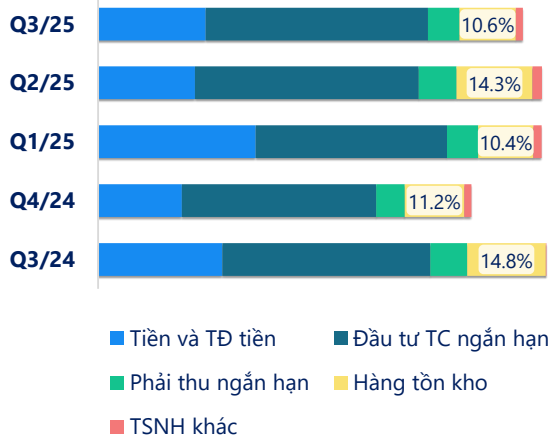
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



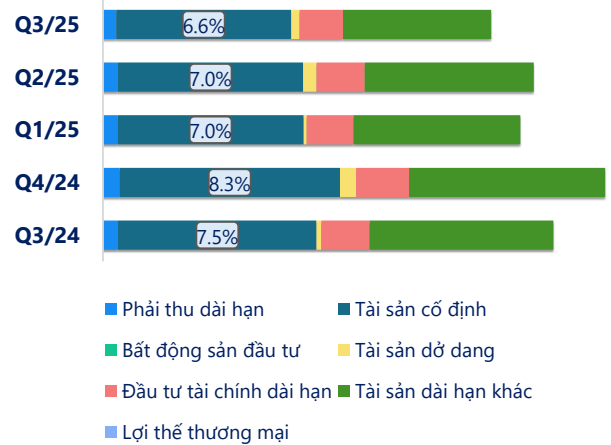
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

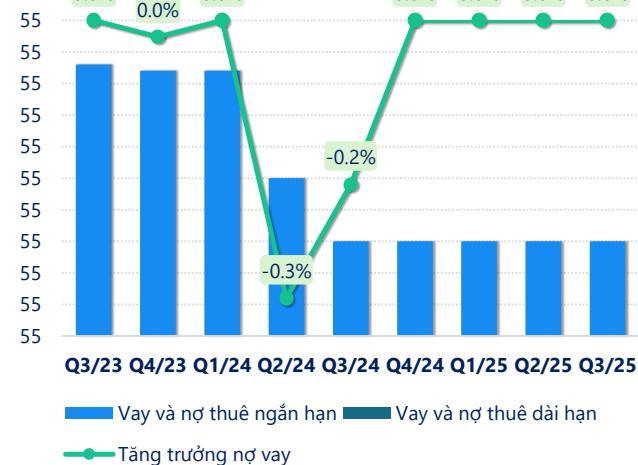
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

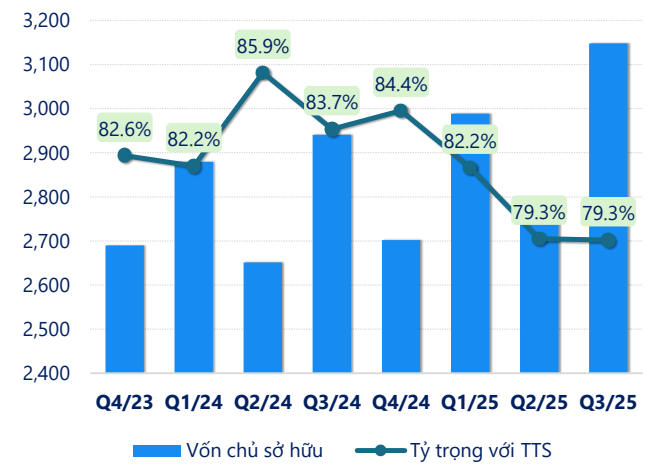
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

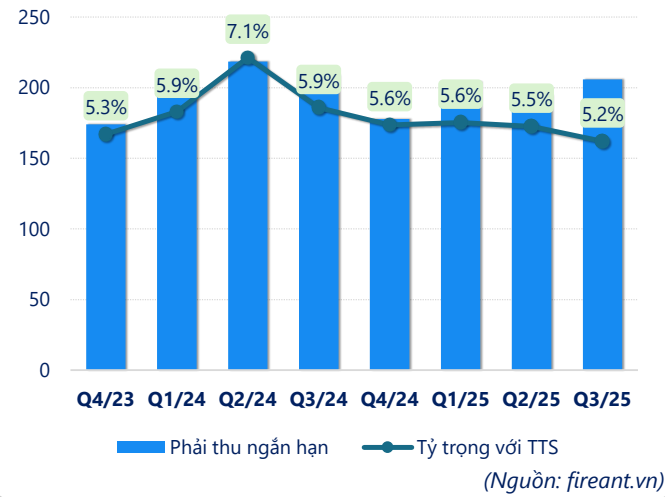
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

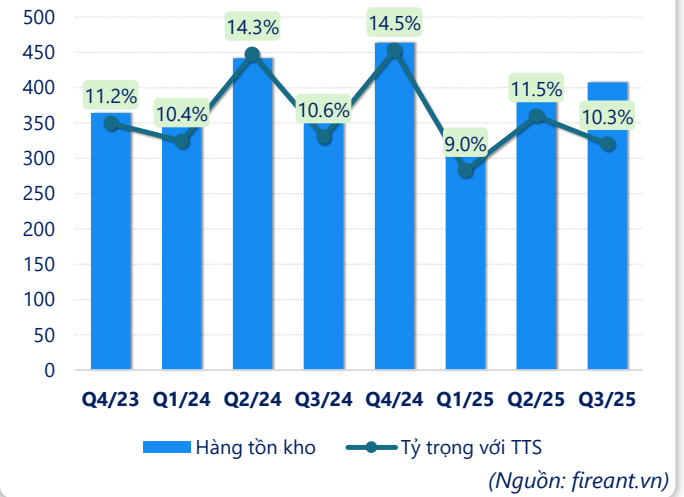


(Nguồn: fireant.vn)

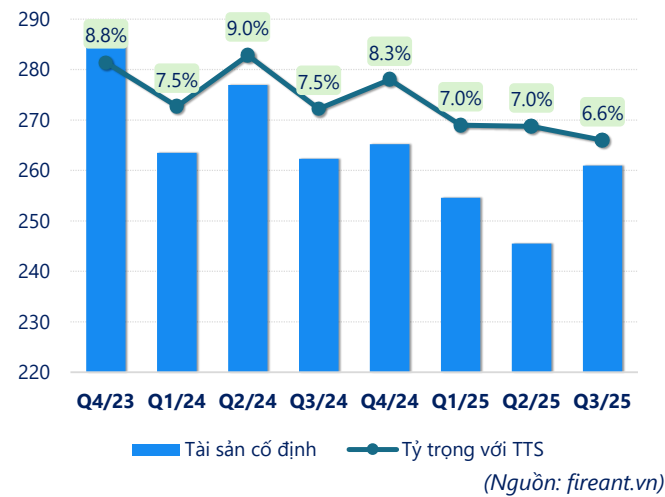
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


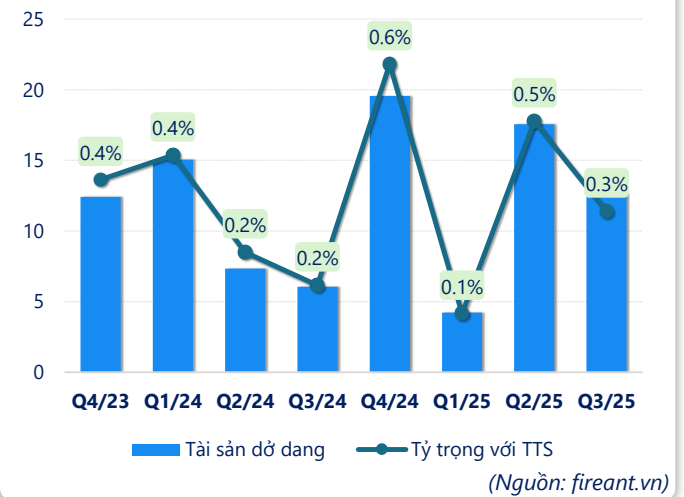
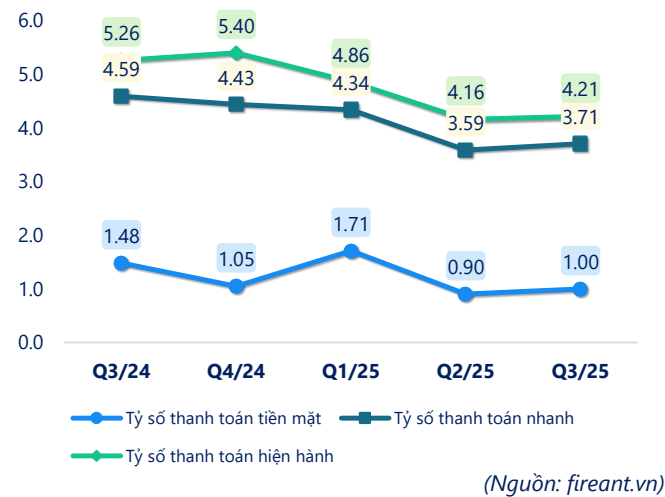
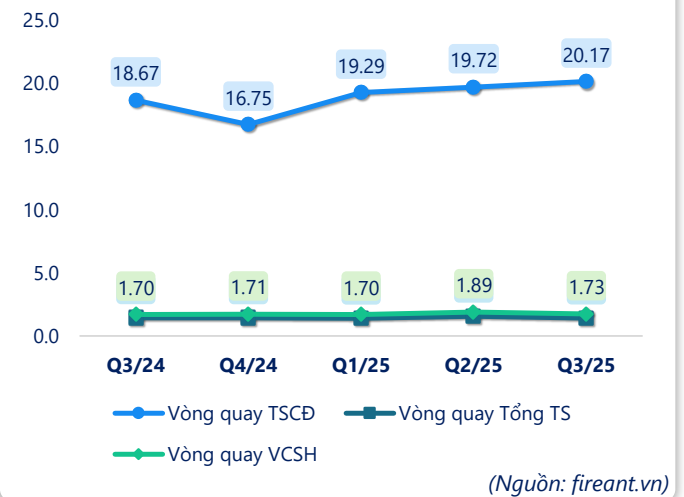
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,514	3,200	3,637	3,526	3,971
Tài sản ngắn hạn	2,918	2,596	3,066	2,955	3,391
Tiền và tương đương tiền	821	504	1,078	641	803
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,470	1,410	1,396	1,656	1,930
Phải thu ngắn hạn	209	178	204	195	206
Hàng tồn kho	371	464	329	406	408
Tài sản ngắn hạn khác	47.1	40.6	59.1	56.6	45.2
Tài sản dài hạn	595	604	571	571	580
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	20.0	20.0	20.0
Tài sản cố định	262	265	255	246	261
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.06	19.6	4.23	17.5	12.7
Đầu tư tài chính dài hạn	64.0	63.8	63.9	64.2	64.7
Tài sản dài hạn khác	243	236	228	224	221
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	573	499	649	728	823
Nợ ngắn hạn	555	481	631	711	805
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.9	54.9	54.9	54.9	54.9
Phải trả người bán ngắn hạn	130	172	190	174	174
Nợ dài hạn	17.9	17.8	17.7	17.5	17.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,941	2,702	2,989	2,798	3,148
Vốn chủ sở hữu	2,941	2,702	2,989	2,798	3,148
Vốn điều lệ	819	819	819	819	819
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)